

# THUYẾT VÔ CẤU XUNG KINH SỞ

## QUYỂN 4 (PHẦN 1)

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn... đến vấn an bệnh của ông ấy.*

Tán: Đây là lần thứ chín, Đức Phật bảo La-hổ-la. Đầu tiên sai bảo, sau là phần từ chối.

Đây là lời sai bảo. La-hổ-la, Hán dịch là Chấp Nhật. Chấp Nhật vốn là tên của một A-tu-la. Tức là La-hầu A-tu-la vương nói trong kinh Pháp Hoa. Đây là tiền quân phi thiên. Khi phi thiên sắp đánh nhau với trời Đế Thích thì vị này làm tiền quân, thấy Thiên tử Nhật Nguyệt phóng ánh sáng chiếu vào mắt phi thiên, phi thiên này liền dùng tay cầm mặt trời che ánh sáng kia. Nay vị đệ tử này của Phật lấy dụ đó làm tên ý cũng như thế. Phật pháp như mặt trời, người con này làm chướng ngại ánh sáng mặt trời trí tuệ Phật pháp của Ta, như phi thiên kia, cho nên lấy đó làm tên. Xưa tên là Cung Sinh. Khi Da-du bị hiềm nghi, liền lập thế tự minh oan: thật là con của Thái tử, chẳng phải là con của kẻ khác bên ngoài, cho nên gọi là Cung Sinh. Về nhân duyên của vị đệ tử này như các kinh đã nói rõ: “Khi xưa làm vua, có một vị Sa-môn cầu diệt kiến, trải qua sáu ngày không cho gặp, hoặc cho rằng lấp hang chuột sáu ngày, ngăn chặn làm cho mẹ con chuột hết thức ăn. Cho nên nay bị quả báo ở trong thai sáu năm. Sau Đức Phật đến nước Ca-la-la, ngày thứ bảy hóa một ngàn vị Tỳ-kheo đều giống như Đức Phật, khiến La-hầu chọn đúng Đức Phật, La-hầu liền đến trước Phật, nói là con Phật. Đức Phật bèn bảo Xá-lợi và Mục-liên độ xuất gia. Bấy giờ La-hầu còn nhỏ. Sợ văn dài dòng nên không thuật đủ.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, La-hổ-la... không thể đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Từ đây trở xuống là phần từ chối, gồm có ba là nêu chung về đạo bị khuất phục. Xưa tán thán xuất gia là hữu vi hữu tướng, thì ông Vô cấu lại nêu xuất gia là vô vi vô tướng. Dùng chân mà cật vấn tục, cho nên đạo bị khuất lời đã cùng, vì thế chẳng kham nhận.

**Kinh:** *Vì sao?... công đức thắng lợi.*

Tán: Đây là phần nói về lý đã cùng tận. Đầu tiên tự hỏi sau là giải thích. Trong đoạn giải thích lại gồm có hai:

1. Nêu lên việc của mình.
2. Thuật lại lời của ngài Vô Cấu Xưng.

Nêu việc mình gồm có hai là người khác hỏi và mình đáp.

Đây là đoạn tự hỏi và người khác hỏi. Các đồng tử này thuộc giòng Bà-la-môn họ là Lý-chiêm-tỳ. Nếu Phật làm Luân vương thì La-hổ-la được kế thừa, cho nên nay tán thán cũng gọi là Luân vương. Luân vương có bốn hạng là Thiết, Đồng, Ngân, Kim, mỗi mỗi đều làm vua cai quản nhân dân trong một, hai, ba, bốn thiên hạ, như thường giải thích. Đã xả bỏ ngôi đế vương tầm thường mà xuất gia, vậy nêu công đức xuất gia có lợi ích gì?

**Kinh:** *Con liền như pháp... công đức thắng lợi.*

Tán: Đây là lời đáp. Xuất gia thì rộng lớn như hư không, tại gia thì bức bách giống như ở lao ngục. Cho nên kinh nói loài khổng tước tuy thân màu sắc rực rỡ nhưng không bằng loài hồng hạc bay cao xa, hàng bạch y tuy có giàu sang thế lực nhưng không bằng xuất gia có công đức thù thắng. Công đức tức sinh thiện, thắng lợi tức diệt ác. Công đức tức phước, thắng lợi là trí. Thắng lợi có thể xuất thế gian, công đức tức phước tuệ gồm đủ.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xưng... mà nói rằng.*

Tán: Đây là thuật lại lời của ngài Vô Cấu, gồm năm:

1. Chánh thức nêu lý để cật vấn.
2. Khuyên người xuất gia.
3. Đồng tử hỏi.
4. Vô Cấu chỉ dạy.
5. Đồng tử đạt được lợi ích.

- Trong phần thứ nhất lại chia làm ba:

1. Bài bác chung.
  2. Hỏi riêng.
  3. Kết luận chánh lý.
- Đây là văn đầu tiên.

**Kinh:** *Vì sao?... đó là xuất gia.*

Tán: Đây là đoạn vấn cật riêng, gồm có hai:

1. Nêu lên.
2. Hiển thị.

Đây là văn đầu. Không Lý Nghĩa ghi: “Trước khen xuất gia thế tục có tướng, nay dùng thắng nghĩa vô tướng để vấn cật, cho nên nói

không có thắng lợi, không có công đức”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Thế tục sự là ngọn, thắng nghĩa lý là gốc, trước khen xuất gia là khen tục sự là ngọn, nay dùng lý là gốc làm chánh, cho nên nói không thắng lợi, không công đức là chân xuất gia.

**Kinh:** *Thưà ngài La-hổ-la!... công đức thắng lợi.*

Tán: Đây là phần hiển bày, gồm có ba:

1. Nói về xuất gia hữu vi hữu tướng.
2. Nói về xuất gia vô vi vô tướng.
3. Nói về công đức và thắng lợi của xuất gia Đại thừa.

Đây là văn thứ nhất. Trước Vô Cấu nói rằng có công đức, thắng lợi, thế tướng, là thuộc hữu vi hữu tướng, chẳng phải là thắng nghĩa đế.

**Kinh:** *Phàm xuất gia... công đức thắng lợi.*

Tán: Đoạn này là nói về xuất gia vô vi vô tướng. Không Lý Nghĩa ghi: “Phàm xuất gia là muốn dứt trừ thế tục hữu tướng, mong cầu hưởng đến thắng nghĩa vô vi tánh không. Trong tánh không nào có đức và lợi”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Tất cả bậc Thánh đều là vô vi mà có sai biệt. Vô vi tức là Niết-bàn giải thoát, lý chân như tịch diệt; Niết-bàn xa lìa sinh tử trói buộc. Chân như vắng lặng xa lìa hư vọng điên đảo. Tánh trạch diệt xa lìa hai thắng chướng. Vì cầu vô vi nên xuất gia. Vì đó là gốc của đức cho nên chẳng phải hữu vi, vì chẳng phải là gốc của đức, nên vô vi vô đức vô lợi. Trong pháp vô vi, không có sai biệt, công đức tánh tướng cũng không sai biệt. Tác dụng thắng lợi không gì không là công đức và thắng lợi lắng trong. Vả lại người xuất gia là xa lìa phân biệt chấp, mà có đức có lợi là có phân biệt, chẳng phải là chân xuất gia. Cho nên chân xuất gia là phá phân biệt chấp trước, không có công đức và thắng lợi.

**Kinh:** *Thưà ngài La-hổ-la... chẳng sắc phi sắc.*

Tán: Đây là nói về công đức và thắng lợi của xuất gia Đại thừa, gồm hai mươi bốn câu. Bản dịch xưa có hai mươi hai câu thiếu câu chẳng sắc phi sắc và câu không có các thủ trong bản mới, nhưng trong câu chỉ quán song tu lại thiếu tu quán, trong đoạn ác tu thiện lại thiếu tu thiện. Đoạn này có ba câu, Không Lý Nghĩa ghi: “Trong thắng nghĩa đế không có kia là bỉ, đây là thử, cũng không có khoảng giữa, xa lìa các kiến, cũng không có sắc và vô sắc khác nhau”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Trong ba câu này thì một là nói về không có đây kia và khoảng giữa, người xuất gia nên dứt trừ phân biệt ta và người, ngoài thân không có kia là bỉ, nhiếp người đồng với mình, thường thực hành tế độ. Ngoài người không có đây là mình. Khi người được vui thú thì cũng như chính

mình được. Cũng chẳng phải ngoài ta và người lại có khoảng giữa. Câu hai là nói về xa lìa các kiến. Năm kiến đều đoạn. Bản xưa nói sáu mươi hai kiến đều thuộc về biên kiến và tà kiến, tương rất hạn hẹp. Câu ba là nói về chẳng phải sắc và phi sắc. Sắc tức để nghiêm sức dung nghi, vô sắc tức thông đạt rõ biết, cả hai đều không chấp giữ nên gọi là chẳng phải. Hoặc cho rằng ngoại đạo vọng kiến chấp ngã là sắc, vì chấp sắc uẩn là ngã, chấp ngã là phi sắc, vì chấp mạng căn do bốn uẩn hợp thành là thật ngã, như trong sáu mươi hai kiến nói ngã là có sắc, sau khi chết có tướng, chấp ngã vô sắc, sau khi chết vô tướng... tất cả đều chẳng phải là vô vi xuất gia. Cho nên lìa các lỗi mà thuận theo điều đúng, căn cứ theo văn sau sẽ biết rõ.

**Kinh:** Là con đường Niết-bàn... được bậc Thánh nhiếp thọ.

Tán: Đoạn này gồm ba câu. Không Lý Nghĩa ghi: “Không phải đây kia và khoảng giữa, tức có thể đến Niết-bàn, cho nên gọi là con đường. Thông đạt các kiến, người trí khen ngợi. Chẳng phải sắc và phi sắc, nên bậc Thánh nhiếp thọ”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Vô vi mà xuất gia thì một là đạt đến Niết-bàn; hai là, bậc Thánh khen ngợi; ba là, các Thánh nhiếp thọ, tức được chư Thánh luôn luôn bảo vệ và lãnh nạp, vì đó là hơn hết. Bản dịch xưa ghi: “Trụ nơi Niết-bàn”, từ đây làm con đường có thể ở nơi Niết-bàn”. Lại ghi: “là chỗ làm của bậc Thánh” tức là bậc Thánh khen ngợi, vì kế hợp tâm bậc Thánh.

**Kinh:** Hàng phục các ma... xa lìa các pháp ác.

Tán: Đoạn này gồm bảy câu. Không Lý Nghĩa ghi: “Phân biệt chấp có là các ma, liền vào năm đường, chẳng được năm nhãn, không có năm căn lực, làm tổn hại chúng sinh, ác của mình chẳng đoạn. Nếu đạt được không mà xuất gia, thì các ma tự quy hàng, cho đến... ác của mình liền tiêu diệt”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Vì pháp vô vi mà xuất gia thì một là, hàng phục được bốn ma, hai là, vượt khỏi năm đường, ba là, được năm nhãn; bốn là, lập được năm căn; năm là, đạt được năm lực; sáu là, không làm tổn hại tất cả chúng sinh; bảy là, xa lìa tất cả pháp ác của mình. Năm nhãn:

1. Nhục nhãn, chẳng phải do tu định sinh mà lấy tịnh sắc do bốn đại tạo ra làm tánh.

2. Thiên nhãn, tức tịnh sắc của bốn đại tạo, do tu tập mà sinh ra.

3. Pháp nhãn, tức tuệ hữu duyên với giáo pháp.

4. Tuệ nhãn, tức không trí duyên với lý.

5. Phật nhãn, tức diệu trí chiếu soi tự tha.

Còn bốn ma, năm đường, căn, lực thì như trước đã giải thích.

**Kinh:** *Phá dẹp ngoại đạo... lia ngã ngã sở.*

Tán: Đoạn này gồm sáu câu. Không Lý Nghĩa ghi: “Nếu là xuất gia hữu vi hữu tướng, thì không thể phá dẹp ngoại đạo, siêu việt giả danh cho đến chẳng thể lia ngã và ngã sở. Nếu là xuất gia vô vi vô tướng thì có thể phá dẹp ngoại đạo lia ngã và ngã sở”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Nếu xuất gia vô vi vô tướng thì: một là, có chánh kiến cho nên có thể phá dẹp ngoại đạo; hai là, pháp thể bất lời cho nên siêu việt giả danh; ba là, được đại Niết-bàn, xa lia vũng bùn tham dục; bốn là, không đấm trước cho nên không bị trói buộc; năm là, không có ta, người cho nên không có chỗ nhiếp thọ. Bản dịch xưa đảo nghịch rằng: “không có sở thọ nên lia ngã và ngã sở”.

**Kinh:** *Không có các thủ... khéo hộ trì tâm người.*

Tán: Đoạn này gồm ba câu. Không Lý Nghĩa ghi: “Thủ nghĩa là phân biệt chấp thủ; nhiều nghĩa là phiền nhiễu. Loạn tức não loạn, điều tức chế phục; hộ tức tùy hộ vệ. Vì vô vi không mà xuất gia nên không chấp thủ, lia phiền não, chế phục tự tâm, khéo bảo hộ ý người, vì hữu vi tướng ma xuất gia thì chẳng được như thế.” Ứng Lý Nghĩa ghi: “Một, lia các thủ, thủ tức là tham trước chấp thủ. Thể tức bốn thủ:

1. Dục thủ duyên năm cảnh tham.
2. Kiến thủ, chấp thủ các kiến.
3. Giới thủ, chấp thủ các giới.
4. Ngã ngữ thủ, chấp có một thật ngã riêng biệt, không có thể của ngã mà chỉ có tên, gọi là ngã ngữ thủ.

Thể của ba thủ sau như tên gọi, mỗi mỗi đều lấy kiến chấp của chính mình làm tánh. Ở đây không có các thủ gọi là đạo chiết phục, đoạn trừ các thủ gọi là đạo đoạn hoặc.

Hai là, không có nhiều loạn, nhiều nghĩa là tán ra, loạn nghĩa là xao động; tức là thể tán loạn tâm dong ruổi theo cảnh, loạn động không an định, cho nên gọi là nhiều loạn. Hoặc nói sáu tán loạn:

1. Tự tánh.
2. Tướng.
3. Thô trọng.
4. Trong.
5. Ngoài.
6. Tác ý.

Ba là, điều phục tự tâm, bảo hộ tha tâm; tự tâm phiền não thì khéo tự điều phục; bảo hộ tâm người chớ khiến người sinh phiền não, mà lại còn thành tự cho họ.

**Kinh:** *Tùy thuận tịch chỉ... tu tất cả thiện.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu:

1. Thuận theo định tu tập tuệ. Tịch chỉ tức là định; thắng quán tức là tuệ. Hai môn chỉ quán gồm thấu tất cả công đức.

2. Là ác tu thiện gọi là chân xuất gia. Không Lý Nghĩa ghi: “Quán thấu đạt được tánh không, tâm thường trụ tại nơi đây, cho nên gọi là chỉ quán. Biết tục chứng chân, cho nên gọi là đoạn tu.

**Kinh:** *Nếu có thể như thế thì gọi là chân xuất gia.*

Tán: Kết luận chánh lý.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xưng... nên cùng xuất gia.*

Tán: Đây là phần thứ hai, khuyên nên xuất gia. Đầu tiên là khuyên chung, sau là nêu lý do khuyên bảo. Đây là văn đầu tiên. Phật pháp khế hợp với chân lý, cho nên gọi là khéo thuyết. Tỳ-nại-da, Hán dịch là điều phục tức là quảng luật, người xuất gia chính là được Phật pháp điều phục nhiếp trí. Khuyên nên nương vào luật mà xuất gia. Đây chính là Tỳ-nại-da của Đại thừa.

**Kinh:** *Vì sao?... khó được bậc nhất.*

Tán: Đây là hiển thị nguyên do khuyên bảo, gồm có bốn điều khó:

1. Khó gặp Phật xuất thế.
2. Khó tránh khỏi tám vô hà.
3. Khó được thân người.
4. Khó gặp được cõi hữu hà.

Nay đã được hữu hà, có thể cho rằng có công đức, các ông nên xuất gia. Bản dịch xưa không ghi ba việc sau.

**Kinh:** *Các đồng tử nói rằng... không được xuất gia.*

Tán: Phần thứ ba, các đồng tử hỏi. Trong các già nạn, cha mẹ không cho phép thì không được xuất gia, chẳng phải tự tâm chúng tôi không thích xuất gia.

**Kinh:** *Vô Cấu Xưng nói rằng... thành tánh Bí-sô.*

Tán: Phần thứ tư, ngài Vô Cấu Xưng chỉ dạy. Xuất gia gồm có hai:

1. Thân xuất gia tức cạo tóc đắp y.
2. Tâm xuất gia tức phát tâm tu hành.

Phát tâm tu hành là chân xuất gia, thọ trì giới cấm, thành tựu tánh Bí-sô; đắp y cạo tóc thành tựu tướng Bí-sô. Nay khuyên xuất gia tức theo chân xuất gia.

**Kinh:** *Bấy giờ, ba mươi hai đồng tử... lập thế tu chánh hạnh.*

Tán: Phần thứ năm, các đồng tử được lợi ích.

**Kinh:** *Bấy giờ, con im lặng... không kham nhận đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Kết luận nguyên do từ chối, tự thân kém sút, xin thoái lui.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn... đến vấn an bệnh ông ấy.*

Tán: Đây là lần thứ mười, Đức Phật bảo A-nan-đà. Đầu tiên là lời sai bảo, sau là nêu lời từ chối. A-nan-đà, Hán dịch là Khánh hỷ. Khi Đức Thích-ca thành đạo thì trời người đều vui mừng, ngài A-nan sinh vào ngay đêm ấy, do đó mà có tên như thế. Đến năm hai mươi tuổi mới xuất gia nghe được hết tất cả Phật pháp, làm thị giả cho Phật, gần gũi hầu hạ, cho nên nay được Đức Phật sai bảo.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, A-nan-đà... không kham nhận đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Đây là phần từ chối, gồm có ba: Đây là phần nêu chung về đạo đã bị khuất phục. Cho rằng Đức Phật thật có bệnh, ta mới xin sữa, ông ấy nói hóa thân, chân Phật chẳng bệnh, cho nên đạo bị khuất mà từ chối.

**Kinh:** *Vì sao?... thường dùng cháo sữa.*

Tán: Đoạn này là hiển bày lý đã cùng tận, đầu tiên tự hỏi, sau là giải thích. Trong phần giải thích thì trước nêu việc của mình sau thuật lời của ngài Vô Cấu Xưng. Phần nêu việc của mình, gồm có hai:

1. Nói vì có bệnh nên cần sữa.
2. Xin sữa.

Đây là phần tự hỏi và Phật bệnh cần dùng sữa. Hiện ít bệnh tức là Phật đau lưng, lúc bấy giờ cũng có, sữa hòa-tất-bát có thể chữa lành bệnh này.

**Kinh:** *Sáng sớm tôi... xin sữa bò.*

Tán: Thức ăn của tôi vừa xin chẳng phải là phi thời. Sáng sớm sắp vào tỵ lạc, chỉnh trang y phục đầy đủ, đắp y ôm bát, ắt có chỗ nường, theo phép tắc vào trong thành để được cúng dường, theo đó mà xin sữa bò.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xưng... mà nói rằng.*

Tán: Thuật lại lời của ngài Tịnh Danh, gồm có hai:

1. Nêu phép tắc đến hạn hỏi.
2. Nêu lời của Vô Cấu Xưng.

Đây là văn thứ nhất.

**Kinh:** *Thưa ngài A-nan... ôm bát đứng nơi đây?*

Tán: Thuật lời của ngài Vô Cấu Xưng, gồm năm ý:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Theo lý để cật vấn.
4. Sinh hổ thẹn.
5. Trên hư không có tiếng nói.

Đây là ý thứ nhất. Mới trình bày lý để cật vấn, lúc đầu hiển thị chẳng biết, cho nên có câu hỏi này.

**Kinh:** Con nói rằng... cho nên mới đến đây.

Tán: Đây là lời ngài A-nan đáp.

**Kinh:** Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xung... phỉ báng Như Lai.

Tán: Theo lý cật vấn, gồm có hai:

1. Trách A-nan cho rằng Phật có bệnh.
2. Nêu Phật không có bệnh nào.

Hoặc đầu tiên hiển thị báo thân không bệnh, sau hiển thị pháp thân không bệnh.

Trong phần đầu lại có hai:

1. Trách chung.
2. Trách riêng.

Đây là văn thứ nhất. Chê nói chẳng đúng cho nên mới bảo: Thôi, thôi! Bài hỷ tức là chê khinh, nghĩa là Đức Phật không có bệnh mà cho là Phật có bệnh, cho nên gọi là đối chê.

**Kinh:** Vì sao?... có bệnh gì, có nào gì?

Tán: Trách riêng, gồm có bốn:

1. Pháp ác trừ đã lâu.
2. Chê trách lời lẽ thô thiển.
3. Căn lành đã đủ.
4. Chịu xấu hổ.

Bốn ý này gồm có hai đôi:

1. Pháp ác đã trừ sạch, nói có bệnh là lời thô thiển.
2. Pháp thiện đã đầy đủ, nói có bệnh là điều xấu hổ, cho nên phân làm bốn.

Đây là đoạn đầu. Thân Phật vô lậu, do kim cang hợp thành, nhân quả sinh tử, hiện hành chủng tử của pháp ác và các tập khí vi tế đều đã tận trừ; các thiện căn đã đầy đủ, như thế thì có bệnh gì? Bệnh vốn do nhân ác sinh. Bốn đại chống trái nhau gọi là bệnh, do có bệnh nên khổ não sinh. Đối với Phật, pháp thiện đã tròn đủ, thì có khổ não gì nữa? Nhân thiện chẳng bao giờ chiêu cảm quả khổ não?

**Kinh:** Thưa ngài A-nan-đà... nghe được những lời này.



Tán: Thứ hai, trách nói lời thô thiển, bảo đừng nói nữa mà trở về trụ xứ, nên gọi là im lặng trở về trụ xứ. Nói Đức Phật có bệnh thật là quá sai trái, cho nên gọi là lời thô. Chớ để cho hàng đệ nhân nghe được lời thô này, đây là chỉ chung. Sau đây là chỉ riêng. Đệ nhân là những ai? Trời Đại oai đức, tức là các vị trời ở cõi Dục và cõi Sắc có thần thông và đạo đức lớn; Bồ-tát các cõi khác, đều thấy báo thân Phật nhưng chưa thấy bệnh, nay nghe nói Phật có bệnh, họ liền sinh kinh sợ nghi ngờ, cho nên gọi là lời thô.

**Kinh:** *Thưa ngài A-nan-đà... không có việc ấy.*

Tán: Thứ ba, nói thiện căn đã đủ. Chuyển luân Thánh vương có ít thiện căn, do tu nhân mười thiện cảm được, gọi là thành tựu một ít thiện mà còn không bị bệnh, huống gì Như Lai từ nhiều kiếp nay đã trồng vô lượng nhân thiện, phước trí đều đủ mà lại có bệnh, thật chẳng có lý ấy.

**Kinh:** *Thưa ngài A-nan-đà... chịu sự sỉ nhục này.*

Tán: Thứ tư sợ bị xấu hổ, gồm có ba:

1. Trách chung.
2. Trách riêng.
3. Xua đuổi.

Đây là văn thứ nhất. Hãy nhanh chóng trở về, chớ để cho chúng tôi chịu những lời thô lậu đáng xấu hổ này.

**Kinh:** *Nếu các ngoại đạo... các người có bệnh.*

Tán: Đây là trách riêng. Ngoại đạo tà kiến, phần nhiều đã sinh phỉ báng, nếu nghe lời thô thiển này niệm ác liền khởi, cho rằng bệnh mình chẳng cứu được làm sao cứu bệnh người?

**Kinh:** *Hãy lên đi nhanh chớ để người nghe biết!*

Tán: Đây là lời xua đuổi. Im lặng đi gấp, chớ để người ngoài nghe được.

**Kinh:** *Vả lại, ngài A-nan-đà... Thế pháp chẳng nhiễm.*

Tán: Từ đây trở xuống là hiển thị Đức Phật thật chẳng có bệnh, cũng là hiển thị pháp thân không bệnh, gồm có mười câu, năm đôi:

1. Pháp thân, chẳng phải là thân tạp uế. Đây là thân do pháp công đức tạo thành, cho nên gọi là pháp thân, chẳng phải là thân chân như, vì đó là sự thân; chẳng phải là thân phiền não có các khổ.

2. Thân xuất thế gian, chẳng phải thân thế gian. Xuất thế gian thì chẳng thể hủy hoại, chẳng phải đạo có thể tu. Tức chẳng phải thế gian có thể hủy hoại, chẳng phải đạo có thể tu. Cho nên các việc thế gian như bệnh não... chẳng thể nhiễm.

**Kinh:** Là thân vô lậu... thì có bệnh gì?

Tán:

3. Vô lậu, chẳng phải là sở duyên của tương ứng, sở tùy tăng của hai phước, là các lậu.

4. Thân vô vi, vô vi có hai: Một là, chân như, chẳng phải do nhân duyên sinh, cho nên gọi là vô vi; hai là, vô lậu uẩn, chẳng phải là pháp tạo tác của nghiệp phiền não, nên cũng gọi là vô vi. Thân năm uẩn của Phật cũng gọi là vô vi, vì chẳng phải do nghiệp phiền não tạo ra.

5. Ngoài các số, tức chẳng rơi vào sinh số, các số vĩnh viễn tịch diệt; nhưng rơi vào pháp số, chúng sinh ấy là thuộc về thú giới sinh, thể tức là thức thứ tám dị thực vô ký. Thân Phật chỉ là vô lậu chỉ có pháp thiện chẳng thuộc vào sinh số. Thân như thế thì có bệnh gì? A-nan thấy nhỏ hẹp cho rằng hóa thân tức thân chân Phật là thân tạp uế, cho đến nói đó là thân rơi vào cõi người ở dục giới, cho rằng thật có bệnh. Cho nên nay nêu lên chánh lý hiển thị Đức Phật không có bệnh.

**Kinh:** Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ, con... nghe lầm chăng?

Tán: Thứ tư, sinh hổ thẹn. Mâu tức là lầm. Vô tức là chẳng phải. Chẳng phải gần Phật mà ta nghe lầm. Lại có lời giải rằng: Không gần tức xa, ta tuy là thị giả, nhưng tâm trí cách xa Phật, chẳng thể biết Phật, chẳng được gần Phật nên nghe lầm sao?

**Kinh:** Liền nghe trên hư không... thật chẳng có bệnh.

Tán: Thứ năm, trên hư không có tiếng bảo, có ba ý:

1. Nói chân Phật không có bệnh.
2. Hiển bày lý do hóa Phật có bệnh.
3. Khuyến nên lấy sữa.

Đây là văn thứ nhất. Chân thân tức báo thân, là thân thật công đức, do nhân tu mà đạt được, cho nên gọi là chân thân. Hoặc pháp báo Phật gọi là chân thân, chẳng phải thân quyền tịch. Bản dịch xưa không có đoạn này: “Như lời cư sĩ nói chân thân của Thế Tôn, thật không có các bệnh”

**Kinh:** Nhưng vì Như Lai... thị hiện việc này.

Tán: Thứ hai, hiển bày nguyên do hóa Phật có bệnh. Thế gian năm trước. Trước tức căn dơ, như căn bả dơ uế của thức ăn, gọi đó là trước.

1. Phiền não trước vì nhiều phiền não.
2. Kiến trước, năm kiến tranh nhau khởi.
3. Mạng trước, thọ mạng ngắn ngủi.
4. Hữu tình trước, nhiều chúng sinh ác.

5. Kiếp trước, vì toàn là kiếp đói khát, dịch bệnh đao binh.

Theo thứ tự thì khi con người thọ mạng còn ba mươi, hai mươi, mười tuổi thì phát khởi. Hôm nay đã có tướng dự báo trước rồi. Như Pháp Hoa Kinh Sớ ba nói: “Đức Thích-ca Từ bi, sinh vào đời ác này, vì muốn dẫn dắt, giáo hóa những chúng sinh hiện đời bị nghiệp ác chịu nghèo cùng khổ nã, những hữu tình hành các nhân ác hạnh ác, nên đồng thị hiện có bệnh, chứ chẳng phải Đức Phật thật có bệnh. Thế Tôn tùy loại mà giáo hóa chúng sinh, hiển thị tất cả ác nghiệp ắt có ác quả, Thế Tôn hiện thọ còn chẳng tránh khỏi, muốn khiến cho người có đức sau này bị bệnh thì tự dứt trừ, Đức Phật cũng hiện có, thì ta là người nào? Vì chúng sinh bệnh nên Đức Phật bệnh. Do đó mà hiện bệnh, chẳng phải Phật thật có bệnh.

Hỏi:

- Vì sao Vô Cấu chẳng trình bày nguyên do Phật hiện bệnh, mà khiến trên hư không phải nói?

Đáp:

- Muốn hiển thị một lời kế lý sâu xa, tự tha thâm hợp, nghĩa đều đồng nhau.

Hỏi:

- Tiếng trong hư không là thế nào?

Đáp:

- Đó là do ngài Vô Cấu Xưng dùng thần lực phát ra, hoặc các Đại Bồ-tát thâm hiển thị việc này. Lý chẳng trái nhau.

**Kinh:** *Thôi! A-nan-đà hãy nhận sữa đi, chớ có hổ thẹn.*

Tán: Đây là khuyên nhận sữa dâng Phật, chớ tự sinh hổ thẹn.

Hỏi:

- Vì sao Vô Cấu Xưng bảo hãy lén đi, không bảo lấy sữa?

Đáp:

- Nói Phật có thật bệnh cần sữa, điều này không đúng cho nên bảo đi. Nói hóa Phật có bệnh cần sữa, lý là đúng, cho nên bảo nhận sữa. Trách về pháp, trước quở trách bảo hãy đi, vì nêu lên pháp, nên sau bảo lấy sữa, cả hai ý không trái nhau.

**Kinh:** *Bạch Thế Tôn! Bấy giờ con... không kham nhận đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Kết luận nguyên do từ chối, tự thân thua kém xin thoái lui. Lúc bấy giờ con chẳng biết ông ấy nói gì, cho nên im lặng không đáp được.

**Kinh:** *Cứ như vậy, Đức Thế Tôn... đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Cuối phẩm, kết luận hàng Thanh văn đều từ chối không nhận đến thăm bệnh, có hai: Đầu tiên là hỏi chung, sau là đáp chung. Đây là trả lời chung.

**Kinh:** *Các Thanh văn... Không kham nhận đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Đây là phần trả lời chung.

-----